

Bản án số: 407/2021/DS-PT
Ngày 13 - 12 - 2021
V/v Tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú
Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 79/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 519/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Trường S**, sinh năm 1930. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà **Nguyễn Thị Bạch T**, sinh năm 1956 (Văn bản ủy quyền ngày 17/9/2018, có mặt). Nơi cư trú: Số 136/17, khu vực 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Hoàng M**, sinh năm 1972 (vắng mặt). Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1941 (vắng mặt). Nơi cư trú: Số 20, ấp N, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà **Võ Thị Kim L** (có mặt, Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2018). Nơi cư trú: Số 146 đường B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà **Võ Thị Kim T**. Nơi cư trú: 4053 R A South Washington, USA.

3.3. Bà **Võ Thị Kim L**, sinh năm 1947 (có mặt). Nơi cư trú: Số 146 đường B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông **Võ Văn Q**. Nơi cư trú: Số 26016 C LN M Viejo California 92691 USA.

3.5. Ông **Võ Văn L**, sinh năm 1952 (có mặt). Nơi cư trú: Số 166 đường P, phường 4, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn L, Võ Văn Q, Võ Thị Kim T, Võ Thị Kim L: bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1956 (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2018), (có mặt).

3.6. Bà **Võ Thị L** (chết năm 2008).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị L gồm:

3.6.1. Ông **Phạm Hoàng M**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

3.6.2. Bà **Phạm Thị Mỹ P**, sinh năm 1967 (vắng mặt);

3.6.3. Bà **Phạm Thị Tuyết T**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.6.4. Bà **Phạm Thị Xuân T**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3.6.5. Bà **Phạm Thị Thu C** (vắng mặt);

3.6.6. Bà **Phạm Thị T** (vắng mặt);

Cùng cư trú: 2148 C – L Ville Ga 30044, USA.

3.6.7. Bà **Tô Thị H**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.6.8. Anh **Phạm Thái A**, sinh ngày 30/6/2002 (vắng mặt);

3.6.9. Chị **Phạm Bảo N**, sinh ngày 18/11/2003 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3.7. Ủy Ban nhân dân huyện T (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Võ Trường S, ông Võ Văn L và bà Võ Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về nguồn gốc phần đất tranh chấp nguyên đơn ông Võ Trường S trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông là cụ Võ Văn A (chết ngày 07/7/2008) và cụ Lê Thị T (chết năm 1983 không có giấy chứng tử) để lại, khi hai cụ chết không để lại di chúc. Cha mẹ ông có tổng cộng 07 người con gồm: Ông Võ Trường S, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn Q, ông Võ Văn L, bà Võ Thị L (chết năm 2008, có 06 người con: Ông Phạm Hoàng M, bà Phạm Thị Mỹ P, bà Phạm Thị Tuyết T, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Thu C, bà Phạm Thị T).

Lúc còn sống cha mẹ Ông tạo lập được các thửa đất gồm: thửa đất 1930 (thửa cũ 542), diện tích 4.300m², loại đất lúa; thửa đất 1894 (thửa cũ 903) diện tích 790m², loại đất ao; thửa đất số 1895 (thửa cũ 904) diện tích 2.640m², loại đất thổ quả; thửa đất số 1896 (thửa cũ 902) diện tích 320m², loại đất nghĩa địa; các phần đất trên tọa lạc tại ấp Phú Tân, xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi bà Võ Thị L lấy chồng thì cha ông là ông Võ Văn A mới kêu về ở chung để quản lý đất đai canh tác nuôi dưỡng cha ông. Đối với căn nhà hiện nay Phạm Hoàng M đang ở cũng là nguồn tiền của các anh chị ông bên nước ngoài gửi về. Đến khi ba ông là ông Võ Văn A chết ông mới biết ông Phạm Văn L (cha ông Phạm Hoàng M, chết năm 2004) đứng ra kê khai đăng ký quyền sử dụng đất vào năm 1992.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế các thửa đất như sau:

+ Thửa đất 34 (thửa cũ 542), diện tích đo đạc thực tế 4.252,4m²: yêu cầu chia thừa kế 07 phần bằng nhau cho các anh em của ông. Ông Võ Trường S, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị T xin nhận bằng hiện vật, còn riêng ông Võ Văn Q, bà Võ Thị Kim T xin nhận giá trị, bà Võ Thị Kim L sẽ nhận kỷ phần của ông Võ Văn Q, bà Võ Thị Kim T và bà Võ Thị Kim L sẽ hoàn giá trị lại cho ông Võ Văn Q, bà Võ Thị Kim T.

+ Đối với thửa 904, diện tích 2.757,4m²: Phần đất ở gắn liền với căn nhà mà ông Phạm Hoàng M đang quản lý không yêu cầu chia thừa kế; đồng ý giao cho ông Phạm Hoàng M tiếp tục quản lý, sử dụng. Phần đất còn lại yêu cầu chia làm 07 phần bằng nhau. Đối với phần kỷ phần của ông Võ Văn Q, bà Võ Thị Kim T thì bà Võ Thị Kim L sẽ nhận kỷ phần của ông Võ Văn Q, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Kim L sẽ hoàn giá trị lại cho ông Võ Văn Q, bà Võ Thị Kim T. Đối với cây trồng gắn liền với đất thì phần đất nào ông Võ Trường S, ông Võ Văn L, ông Võ Văn Q, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim T được nhận thì trả giá trị lại cho ông Phạm Hoàng M theo giá của Hội đồng định giá.

+ Thửa đất 81 (thửa cũ 903) diện tích 799,2m²: Yêu cầu chia thừa kế 07 phần bằng nhau cho những người thừa kế. Ông Võ Trường S, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị T xin nhận bằng hiện vật; còn riêng ông Võ Văn Q, bà Võ Thị Kim T xin nhận giá trị; bà Võ Thị Kim L sẽ nhận kỷ phần của ông Võ Văn Q, bà Võ Thị Kim T và bà Võ Thị Kim L sẽ hoàn giá trị lại cho ông Võ Văn Q, bà Võ Thị Kim T. Trong phần đất ao ông Phạm Hoàng M có nuôi cá thì sau khi chia yêu cầu ông Phạm Hoàng M thu hoạch hết cá dưới ao.

+ Thửa 902, diện tích 302,1m²: do đất nghĩa địa, không yêu cầu chia thừa kế. Phần đất này để sử dụng làm nghĩa địa của gia tộc giao cho bà Võ Thị Kim L quản lý và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Bị đơn Phạm Hoàng M trình bày:*

Ông là con ruột của ông Phạm Văn L (chết ngày 25/4/2004) và bà Võ Thị L (chết ngày 17/11/2008); nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông ngoại ông cụ Võ Văn A (chết ngày 07/7/2008) và cụ Lê Thị T (chết năm 1983 không có giấy chứng tử). Sau thời gian mẹ ông và cha Ông sinh sống cùng ông ngoại thì ông ngoại cho đất lại cho cha ông vì vậy cha ông là ông Phạm Văn L mới đăng ký kê khai quyền sử dụng đất vào năm 1992, đến khi cha ông chết thì để lại cho mẹ ông.

Trước khi cụ Võ Văn A chết có cho cha mẹ ông 01 nền nhà và 02 công đất bên sông gần nhà ông Võ Trường S, sau đó mẹ ông để lại phần đất đó cho ông Võ Trường S quản lý và canh tác. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì ông được nhận cho tặng từ mẹ ông.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông có ý kiến như sau:

+ Thừa đất 34 diện tích 4.252,4m²: Khi cha mẹ còn sống, ông bà ngoại có cho đất cho các cậu và các dì là nguyên đơn rồi. Nhưng các cậu các dì không nhận nên ông bà ngoại cho mẹ ông là bà Võ Thị L thừa đất này nên không đồng ý chia.

+ Đối với thửa đất 904, diện tích 2.757,4m²: Ông bà ngoại ông cho phần đất này cho cha mẹ ông nên không đồng ý chia.

+ Thừa đất 81, diện tích 799,2m²: loại đất ao nên không đồng ý chia;

+ Thừa 902, diện tích 320m²: Đây là đất nghĩa địa, ông đồng ý lấy phần đất này làm nghĩa địa cho gia tộc sử dụng nhưng vẫn do ông quản lý và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn Q, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Thoa, chị Tô Thị H: Thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

+ Ủy Ban nhân dân huyện T trình bày tại công văn số 1292/UBND-NC ngày 01/8/2019: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Phạm Hoàng M là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/7/2019 và ngày 05/8/2020, biên bản khảo sát, đo đạc và định giá tài sản ngày 18/6/2019 ngày 12/6/2020 phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế và được định giá như sau: Thừa đất 34 (thửa cũ 542), diện tích đo đạc thực tế 4.252,4m², loại đất 02 lúa. có đơn giá là 40.000 đồng/m²; Đối với thửa đất 904, diện tích 2.757,4m², từ bản đồ số 4, loại đất thổ quả. Có đơn giá theo giá thị trường: Đất ở có đơn giá là 300.000 đồng/m²; đất trồng cây lâu năm có đơn giá là: 250.000 đồng/m². Ngoài ra trên phần đất thửa 904 có căn nhà cấp 4, có công trình phụ kèm theo như nhà bên hông, hồ nước, sân đal có tổng giá trị là: 191.902.000 đồng. Trên thửa 904 còn có các cây trồng có tổng giá trị là 89.565.000 đồng; Thừa đất 81 (thửa cũ 903) diện tích 799,2m², loại đất ao ông không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Có đơn giá là 50.000 đồng/m²; Thừa 902, diện tích 320m² đất nghĩa địa. Có đơn giá là 300.000 đồng/m². Ngoài ra trên thửa đất còn có cây trồng có tổng giá trị là 22.410.000 đồng và còn có 01 ngôi nhà mồ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Căn cứ Điều 675; Điều 676; Điều 677; BLDS năm 2005; Điều 611, Điều 612, Điều 620, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 653, 688 của Bộ Luật dân sự 2015; Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 74, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 76, 105, Điều 106, Điều 107 Luật đất đai 2003; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trường S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn L, Võ Thị T, Võ Thị Kim T, Võ Văn Q về việc yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất 34 (thửa cũ 542), diện tích đo đạc thực tế 4.252,4m², loại đất 02 lúa tọa lạc tại ấp Phú Tân, xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; Thừa đất 904, diện tích

2.757,4m², tờ bản đồ số 4, loại đất thổ quả; Thừa đất 81 (thửa cũ 903) diện tích 799,2m², loại đất ao; cùng tọa lạc tại ấp Phú An, xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Hoàng M đối với thửa 902, diện tích 320m² đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp Phú An, xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long anh Phạm Hoàng M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đồng ý để sử dụng chung làm đất nghĩa địa cho gia tộc.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/10/2020, ngày 14/10/2020 và ngày 19/10/2020 nguyên đơn ông Võ Trường S; những người liên quan ông Võ Văn L, bà Võ Thị Kim L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét chia thừa kế như đơn khởi kiện và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hoàng M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Những người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lý do: Phần đất tranh chấp là đất của cha mẹ để lại nên yêu cầu được chia đều cho 07 người thừa kế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận các thửa đất 34 (thửa cũ 542), diện tích đo đạc thực tế 4.202,4m²; Thửa đất 904, diện tích 2.757,4m²; Thửa đất 81 (thửa cũ 903) diện tích 799,2m² và Thửa 902, diện tích 320m² là có nguồn gốc của cụ Võ Văn A và cụ Lê Thị T là cha mẹ của nguyên đơn và những người liên quan và cũng là ông bà ngoại của bị đơn.

Lúc cụ Võ Văn A và cụ Lê Thị T còn sống thì các con của 02 cụ đều có gia đình riêng chỉ có bà Võ Thị L (cũng là con của 02 cụ) cùng chồng là Phạm Văn L sống chung với 02 cụ. Năm 1983 cụ Lê Thị T chết. Năm 1991, 1992 Nhà nước có chủ trương đăng ký quyền sử dụng đất nên ông Phạm Văn L đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa đất nêu trên và đến ngày 21/02/1995 ông Phạm Văn L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2]. Xét quá trình quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp, thấy rằng: chính ông Phạm Văn L là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp để nuôi dưỡng 02 cụ Võ Văn A, cụ Lê Thị T: Ông Phạm Văn L đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 thì cụ Võ Văn A vẫn còn sống. Theo biên bản họp gia tộc ngày 21/8/1989 gồm có ông Võ Văn A, ông Võ Trường

S, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn L, bà Võ Thị T có nội dung: “đất của cha mẹ tạo lập, mẹ chết cha tuổi già sức yếu nên giao lại cho con gái út là em Võ Thị L tạm thời quản lý, sử dụng hưởng huê lợi, khi nào Nhà nước có chủ trương đăng ký đất đai thì vợ chồng Võ Thị L có trách nhiệm đăng ký, kê khai đứng tên”; Đồng thời theo giấy thỏa thuận ngày 11/7/2008 giữa ông Võ Trường S, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn L và anh Phạm Hoàng M thể hiện: “Phần đất Phạm Hoàng M đã cất nhà và đang sinh sống, trông trọt... cháu Phạm Hoàng M được quyền trông trọt hưởng huê lợi phần đất trên nhưng không được quyền mua bán, sang nhượng, cầm cố”.

Như vậy, xét về ý chí của cụ Ân cùng các con đều muốn để di sản lại cho bà Võ Thị L, ông Phạm Văn L quản lý sử dụng, đứng tên quyền sử dụng đất. Thực tế, ông Phạm Văn L đã quản lý, sử dụng ổn định các thửa đất nêu trên từ khi ông Võ Văn A còn sống đến khi chết và sau đó là bà Võ Thị L vợ ông Phạm Văn L tiếp tục đứng tên giấy chứng nhận đến khi bà Võ Thị L chết thì anh Phạm Hoàng M lại kế thừa và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình quản lý, sử dụng và kê khai đăng ký từ cụ Võ Văn A sang, ông Phạm Văn L, bà Võ Thị L đến anh Phạm Hoàng M kế thừa thì cũng không ai ngăn cản hay tranh chấp gì. Hiện tại phần đất đã được gia đình bị đơn quản lý, sử dụng hơn 25 năm, đã xây nhà kiên cố. Mặt khác, vào năm 2010 khi Nhà nước tiến hành đo đạc lại thì chính nguyên đơn là ông Võ Trường S đã ký giáp tứ cận đối với phần đất anh Phạm Hoàng M đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn và những người liên quan thấy rằng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía người kháng cáo tiếp tục yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất nêu trên nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp là di sản hợp pháp thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình theo quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo không được chấp nhận.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do ông Võ Trường S, ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Bạch T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[5]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Trường S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L, bà Võ Thị Kim L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

2. Căn cứ Điều 675; Điều 676; Điều 677 của Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 611, Điều 612, Điều 620, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 653, 688 của Bộ Luật dân sự 2015; Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 74, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 76, 105, Điều 106, Điều 107 Luật đất đai 2003; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trường S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn L, Võ Thị T, Võ Thị Kim T, Võ Văn Q về việc yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất 34 (thửa cũ 542), diện tích đo đạc thực tế 4.252,4m², loại đất 02 lúa tọa lạc tại ấp Phú Tân, xã Phú Thạnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; Thửa đất 904, diện tích 2.757,4m², tờ bản đồ số 4, loại đất thổ quả; Thửa đất 81 (thửa cũ 903) diện tích 799,2m², loại đất ao; cùng tọa lạc tại ấp Phú An, xã Phú Thạnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Hoàng M đối với thửa 902, diện tích 320m² đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp Phú An, xã Phú Thạnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long anh Phạm Hoàng M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đồng ý để sử dụng chung làm đất nghĩa địa cho gia tộc.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Võ Trường S; ông Võ Văn L, bà Võ Thị Kim L được miễn.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1);
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 28b (PMT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết